



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 262416

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: Lô A-4,5,6,7-CN Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh
2. **Thông tin mẫu** : Nước thải
3. **Phân loại mẫu** : NT1 - Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, trước khi xả ra hệ thống thoát nước của KCN Mỹ Phước 2
Tọa độ (595002.8E; 1230967.2N) (MHM: 2601572)
4. **Ngày lấy mẫu** : 04/03/2026
5. **Ngày trả kết quả** : 17/03/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C; Cột A (K _q =0,9; K _f =1)	Phương pháp phân tích
01	BOD ₅	mg/L	6	27	SMEWW 5210B:2023
02	Tổng Nitơ	mg/L	7,73	18	TCVN 6638:2000
03	Tổng Phospho	mg/L	1,15	3,6	SMEWW 4500-P.B&E:2023
04	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD=1)	4,5	SMEWW 5520B&F:2023
05	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (LOD=1)	5 ^(*)	SMEWW 5520B&F:2023
06	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,9	TCVN 6225-2:2021
07	Coliforms	MPN/100ml	< 1,8	3000	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Bái

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- (*): QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A; K=1)
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q) và hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f)



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 263089

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM – NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: Lô A-4,5,6,7-CN Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành Phố Hồ Chí Minh
2. **Thông tin mẫu** : Nước thải
3. **Phân loại mẫu** : Nước thải đầu ra sau xử lý tại HTXL tập trung của nhà máy (mương quan trắc). Tọa độ (595012.0E; 1230940.6N) (MHM: 2601573)
4. **Ngày lấy mẫu** : 04/03/2026
5. **Ngày trả kết quả** : 23/03/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C Cột A (K _q =0,9; K _f =1)	QCVN 39:2011/ BTNMT	Phương pháp phân tích
01	pH	-	7,49	-	6 – 9	-	TCVN 6492:2011
02	TDS	mg/L	869	-	-	2000	HD66-ĐO (TDS)
03	BOD ₅	mg/L	< LOQ=3,3	-	27	-	SMEWW 5210B:2023
04	COD	mg/L	< LOQ=10	-	67,5	-	SMEWW 5220C:2023
05	TSS	mg/L	< LOQ=6,67	-	45	-	TCVN 6625:2000
06	Asen (As)	mg/L	KPH	0,001	0,045	0,05	SMEWW 3113B:2023
07	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH	0,00015	0,0045	0,001	SMEWW 3112B:2023
08	Chì (Pb)	mg/L	KPH	0,0015	0,09	0,05	SMEWW 3113B:2023
09	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	0,00015	0,045	0,01	SMEWW 3113B:2023
10	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH	0,003	0,045	-	SMEWW 3500-Cr.B:2023
11	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH	0,003	0,18	-	SMEWW 3500-Cr.B:2023
12	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	0,03	1,8	0,5	SMEWW 3111B:2023
13	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	0,03	2,7	2	SMEWW 3111B:2023
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	1	4,5	-	SMEWW 5520B&F:2023
15	N - NH ₄ ⁺	mg/L	KPH	0,5	4,5	-	TCVN 5988:1995
16	Tổng Nitơ	mg/L	6,4	-	18	-	TCVN 6638:2000
17	Tổng Phospho	mg/L	1,2	-	3,6	-	SMEWW 4500P.B&E:2023
18	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	208	-	450	350	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C Cột A (K _q =0,9; K _f =1)	QCVN 39:2011/ BTNMT	Phương pháp phân tích
19	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH	0,03	0,9	-	TCVN 6225-2:2021
20	Tỷ số hấp thụ Natri SAR ^(a)	-	0,37	-	-	9	QUATEST3 1227:2024 (Ref. SMEWW 3120B:2023 Và SMEWW 311B:2023)
21	Sunfat (SO ₄ ²⁻) ^(a)	mg/L	2,3	-	-	600	SMEWW 4110B:2023
22	Bo ^(a)	mg/L	KPH	0,01	-	3	SMEWW 3120B:2023
23	Fecal coli ^(a)	MPN/100ml	< 1,8	-	-	200	SMEWW 9222E B&D:2023
24	Coliforms	MPN/100ml	< 1,8	-	3000	-	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng
- (a): Chỉ tiêu do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện, VIMCERTS 078 (MHM: NTP-26-131)
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q) và hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f)